

Bản án số: 56/2024/DS-ST

Ngày 22-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng hội
và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Trần Huy Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng hội và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị A, sinh năm 1950 (có mặt)

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Hoàng H (vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị N (vắng mặt)

Cùng cư trú: Khóm 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đoàn Thị A trình bày: Ngày 30/3/2021 âm lịch, vợ chồng ông Nguyễn Hoàng H và bà Huỳnh Thị N mở dây hội loại 1.000.000 đồng, tháng khui 01 kỳ, tổng có 28 phần, bà A tham gia 01 phần. Quá trình tham gia hội, bà A đã đóng hội từ ngày 30/3/2021 đến tháng 02/2023 (tháng 02 sau) là 25 tháng x 1.000.000 đồng/tháng x 01 phần = 25.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng cho chủ hội 500.000 đồng, ông H và bà N còn nợ lại 24.500.000 đồng.

Ngày 21/3/2022 âm lịch, vợ chồng ông H và bà N vay số tiền 15.000.000 đồng, vay không tính lãi, bà N có làm biên nhận nợ ghi “người mượn tiền Huỳnh Hồng L”. Nay bà A yêu cầu ông H và bà N trả nợ hội và vay tổng số tiền

39.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng H và bà Huỳnh Thị N đúng theo quy định pháp luật, nhưng các bị đơn vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng H và bà Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà N.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ hụi, thấy rằng: Theo Hợp đồng chơi hụi thể hiện bà N có mở dây hụi ngày 30/3/2021 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, tháng khai 01 kỳ, tổng có 28 phần, bà A tham gia 01 phần tại danh sách hụi viên ghi “Dì 5 A”, phần cuối danh sách thể hiện chủ hụi “Shop Tuấn L”. Quá trình tham gia giao dịch hụi, bà A đã đóng hụi được 25 kỳ, đến kỳ thứ 26 bà N tuyên bố đình hụi và các hụi viên còn lại bỏ thăm hốt thì bà A trúng thăm nhưng bà N không giao hụi cho đến nay. Sau khi đối trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng cho chủ hụi, bà N phải giao cho bà A số tiền còn lại là 24.500.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận theo hợp đồng giao dịch hụi giữa các bên.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ vay, thấy rằng: Theo “Biên nhận mượn tiền” ngày 21/3/2022 âm lịch, với nội dung: “Tôi tên L có mượn của Dì 5 A là 15 triệu đồng, người mượn tiền Huỳnh Hồng L”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án cho bà N thể hiện rõ số tiền nợ hụi và khoản vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà N vẫn không có ý kiến phản bác xem như đã thừa nhận các khoản nợ nêu trên và sử dụng tên “L” để tham gia giao dịch hụi và ký biên nhận vay tiền của bà A.

[4] Bà A yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H cùng có nghĩa vụ với bà N trả tổng số tiền 39.500.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo “Hợp đồng chơi hụi” ngày 30/3/2021 chỉ ghi chủ hụi “Shop Tuấn L” không có ký tên chủ hụi và quá trình tham gia giao dịch hụi bà A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông H cùng với bà N làm chủ hụi. Tại “Biên nhận mượn tiền” ngày 21/3/2022 âm lịch, cũng chỉ thể hiện bà N là người làm biên nhận nợ và ký tên nhận nợ vay số tiền 15.000.000 đồng.

[5] Như đã phân tích trên, bà N là người trực tiếp giao dịch hụi và ký biên nhận vay tiền với bà A. Mặc dù các khoản nợ này phát sinh trong thời điểm ông H và bà N đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân nhưng không có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung để buộc ông H cùng với bà N có nghĩa vụ thanh toán. Đó

đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A về việc yêu cầu bà N trả tổng số tiền 39.500.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 39.500.000 đồng x 5% = 1.975.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị A. Buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị A số tiền nợ hui và vay là 39.500.000 đồng (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị A về yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ liên đới với bà Huỳnh Thị N trả số tiền nợ hui và vay 39.500.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.975.000 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), chưa nộp.

- Bà Đoàn Thị A được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Đoàn Thị A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hoàng H và bà Huỳnh Thị N có quyền kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út